

## KẾ HOẠCH

**Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể**

---

Thực hiện Quyết định số 212/QĐ-TTg ngày 20/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch và Đề cương tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (viết là Nghị quyết số 13-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch tổng kết như sau:

### I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1- Mục đích

- Đánh giá kết quả triển khai và tình hình phát triển kinh tế tập thể sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.
- Chỉ rõ kết quả đạt được và nội dung còn hạn chế, từ đó rút ra được những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; đồng thời xác định phương hướng, mục tiêu, nội dung, biện pháp cụ thể trong những năm tiếp theo.

#### 2- Yêu cầu

- Việc tổng kết phải tiến hành một cách nghiêm túc, các sở, ban, ngành, địa phương phải có báo cáo đầy đủ về công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW và thực trạng của các loại hình hợp tác xã trong các lĩnh vực nông nghiệp, công thương, xây dựng, giao thông vận tải, tín dụng, ...
- Đánh giá đúng trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn đối với từng địa phương, từng ngành, từng lĩnh vực. Từ đó, đề ra được phương hướng, mục tiêu, nội dung và biện pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới.

- Quá trình triển khai, tổ chức việc thực hiện tổng kết phải đảm bảo toàn diện, sâu sắc, hiệu quả, tiết kiệm và đúng Kế hoạch.

### II- NỘI DUNG, HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ MỐC THỜI GIAN TỔNG KẾT

#### 1- Nội dung tổng kết

Bám sát các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW, Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 27/6/2002 của Ban



Thường vụ Tỉnh ủy (viết tắt là Chương trình hành động số 32-CTr/TU) và Đề cương báo cáo tổng kết (*gửi kèm theo Kế hoạch này*) để đánh giá 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW; trong đó, cần cụ thể hóa đối chiếu với các mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết số 13-NQ/TW và Chương trình hành động số 32-CTr/TU.

## **2- Đối tượng, hình thức và mốc thời gian tổng kết**

2.1- Đối tượng: Tỉnh ủy; huyện ủy, thành ủy; các xã, phường, thị trấn.

2.2- Hình thức tổng kết:

2.2.1- Cấp tỉnh: Tổ chức hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

2.2.2- Cấp huyện, xã: tổ chức tổng kết bằng hình thức phù hợp với điều kiện cụ thể, thực tiễn của địa phương, đơn vị.

2.3- Mốc thời gian xây dựng báo cáo: Từ ngày 31/12/2003 đến ngày 31/12/2018.

## **III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1- Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng dự thảo Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) *trước ngày 15/4/2019*.

- Chỉ đạo các sở, ngành có liên quan phối hợp với các huyện, thành phố đề xuất danh sách tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 15 năm thực hiện Nghị quyết; tham mưu, đề xuất danh sách và nội dung tham luận của cơ quan, đơn vị, địa phương tại Hội nghị tổng kết cấp tỉnh, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) *trước ngày 20/4/2019*.

2- Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy danh sách khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) *trước ngày 22/4/2019*.

3- Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy căn cứ Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn cụ thể cho các địa phương, đơn vị tổ chức tổng kết; gửi báo cáo tổng kết về Ủy ban nhân dân tỉnh *trước ngày 10/4/2019*.

4- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh (có liên quan) căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình; xây dựng Báo cáo tổng kết theo Đề cương và gửi Ủy ban nhân dân tỉnh *trước ngày 10/4/2019*.

5- Văn phòng Tỉnh ủy:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy *trước ngày 22/4/2019*; tham

mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

- Gửi Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) **trước ngày 15/5/2019.**

Trên đây là Kế hoạch tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW. Đề nghị các địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- BCĐTW TK NQ TW5 khóa IX (đề b/c),
- Các Bộ: KHĐT, NNPTNT, CT, GTVT, XD,
- Liên minh HTX Việt Nam,
- Ngân hàng NN Việt Nam,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các đ/c UVBTW Tỉnh ủy,
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Liên minh HTX tỉnh,
- Ngân hàng Nhà nước tỉnh,
- BTV huyện ủy, thành ủy,
- LĐVPTU,
- CVKTXH<sup>N</sup>,
- Lưu VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Đỗ Xuân Tuyên

## **ĐỀ CƯƠNG**

**Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002  
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX  
về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể  
(Kèm theo Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 11 tháng 3 năm 2019  
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)**

-----

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

- Khái quát mục tiêu, vai trò, vị trí của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã và căn cứ tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
- Khái quát quá trình tổ chức tổng kết.

## **Phần thứ nhất**

### **TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

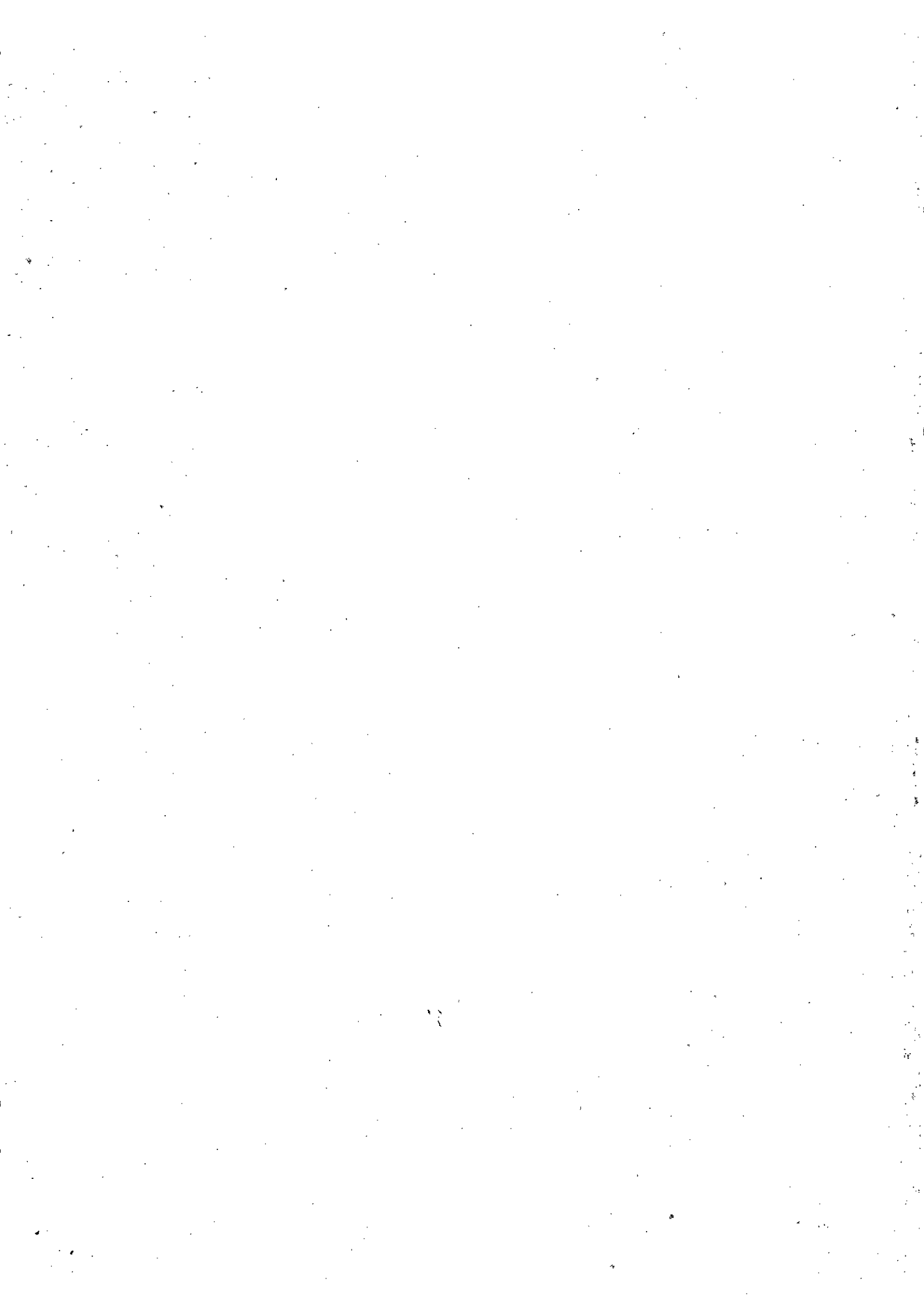
- Cơ chế, chính sách cụ thể hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

## **Phần thứ hai**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 15 NĂM QUA**

**I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

- 1- Về thống nhất nhận thức trong quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- 2- Về xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận tiện cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển.
- 3- Về sửa đổi, bổ sung hoàn thiện một số cơ chế, chính sách.
  - a, Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.
  - b, Về chính sách đất đai.



- c, Về chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.
- d, Về chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.
- đ, Về chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.
- e, Về chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.
- g, Về chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế xã hội.

h, Về chính sách thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

i, Về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế.

k, Về chính sách ưu đãi lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

l, Về các chính sách khác:

4, Về nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước

- Đánh giá về công tác thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã: Việc thành lập bộ máy quản lý, bố trí cán bộ và thực hiện phân công quản lý nhà nước về kinh tế tập thể ở các cấp (đối với ngành Kế hoạch – Đầu tư thực hiện theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 giữa Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Tài chính- Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh);

- Đánh giá về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể của sở, ngành đối với địa phương; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của hợp tác xã, của cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Đánh giá về việc thực hiện chế độ báo cáo về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 (Điều 24, 25);

- Đánh giá về việc xây dựng chương trình phát triển kinh tế tập thể;

- Đánh giá về việc rà soát, bổ sung, xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể thuộc phạm vi quản lý;

- Đánh giá về bộ máy quản lý chuyên trách thích hợp;

- Đánh giá về xây dựng Kế hoạch và tổ chức đào tạo cán bộ cho kinh tế tập thể;

- Đánh giá về thí điểm những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành;





5. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

## II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 15 NĂM QUA

### 1. Về Tổ hợp tác

- Tổng hợp số liệu và đánh giá sự phát triển của các loại hình tổ hợp tác hiện nay (số lượng, số thành viên, số tổ có đăng ký, cơ cấu tổ hợp tác trong các lĩnh vực...); so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003;

- Tính chất và trình độ phát triển của các tổ hợp tác;

- Tình hình và kết quả hoạt động của các tổ hợp tác, vai trò của tổ hợp tác trong việc giúp các hộ thành viên phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao thu nhập, đời sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo; so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003;

- Kết quả việc khắc phục các hạn chế, khó khăn của tổ hợp tác (về nhận thức, về pháp lý, về mô hình và công tác quản lý, về các biện pháp trợ giúp,...);

- Những hạn chế, khó khăn và những vấn đề mới phát sinh của tổ hợp tác hiện nay.

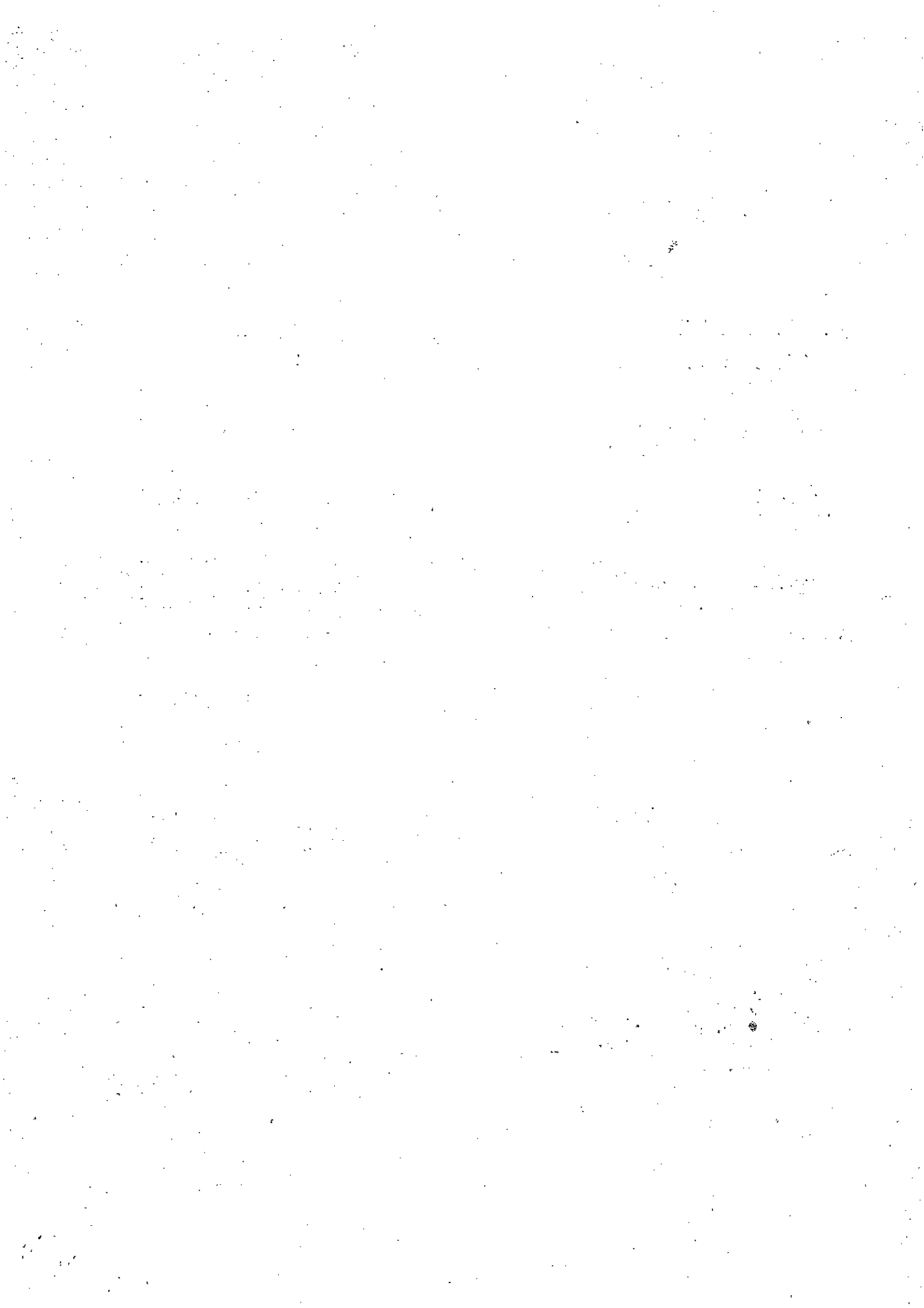
### 2. Về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Tình hình phát triển hợp tác xã: số lượng, quy mô, mức góp vốn, mô hình tổ chức và kết quả hoạt động (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003). Các loại hình hợp tác xã mới (hợp tác xã môi trường, hợp tác xã kinh doanh quản lý chợ, hợp tác xã của thanh niên, hợp tác xã nhà ở, hợp tác xã trường học ...):

+ Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003), trong đó có số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới; số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng hợp tác xã đã chuyển đổi, giải thể;

+ Số thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003) trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào hợp tác xã; số hợp tác xã thành viên mới tham gia vào liên hiệp hợp tác xã; số lao động làm việc trong khu vực hợp tác xã tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003), số lao động mới.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các hợp tác xã trong từng ngành, lĩnh vực, vùng (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003).



+ Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003).

+ Tổng doanh thu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổng lợi nhuận của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018); tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003.

+ Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ( tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018); tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003.

+ Đóng góp của khu vực hợp tác xã vào tổng sản phẩm của địa phương và của nền kinh tế (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 và so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003).

+ Tổng số nợ đọng của hợp tác xã tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước ngày 01 tháng 01 năm 1997 và từ ngày 01 tháng 01 năm 1997 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018), tổng số nợ đọng của thành viên với hợp tác xã.

+ Tổng số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Những chuyển biến của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác;

- Năng lực nội tại của các hợp tác xã: về vốn; về cơ sở vật chất; về cán bộ quản lý và người lao động làm việc trong các hợp tác xã; về công tác tổ chức, quản lý trong hợp tác xã.... (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003);

- Số liên hiệp hợp tác xã và vai trò của các liên hiệp hợp tác xã (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003);

- Hiệu quả kinh tế và xã hội của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vai trò của hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội khác trong cộng đồng (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003).

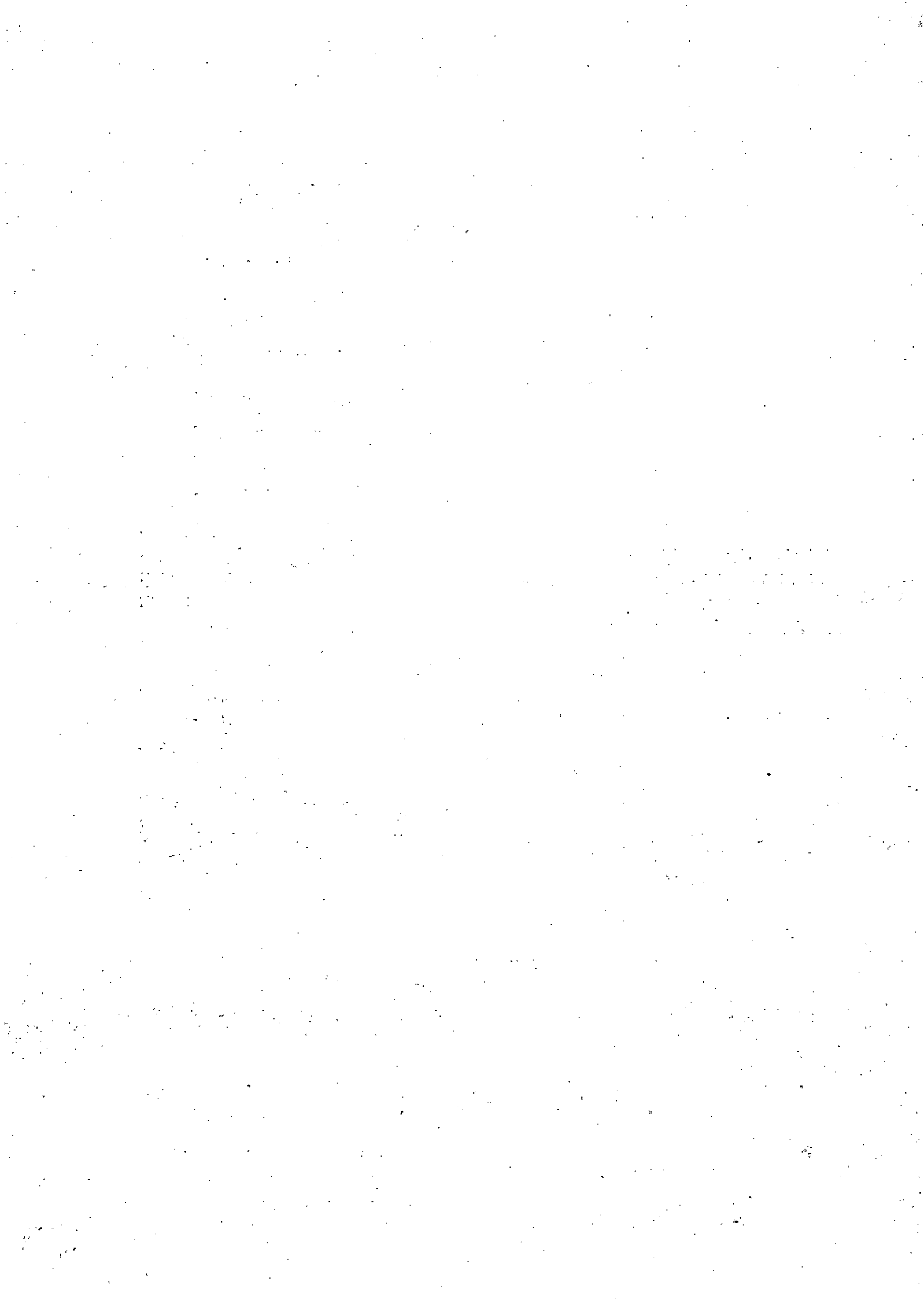
(Chi tiết các nội dung về số liệu đề nghị bổ sung thêm các chỉ tiêu theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm Đề cương).

3. Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nổi bật, điển hình với cách làm mới.

4. Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Những kết quả đạt được so với mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết



- So với mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết;
- So với các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện mà Nghị quyết đã giao cho sở, ngành, địa phương;
- So với yêu cầu cụ thể hóa bằng các văn bản để thực hiện Luật hợp tác xã;
- So với yêu cầu của thực tiễn.

## 2. Những tồn tại, hạn chế

- Về tiến độ, tính đồng bộ, tính khả thi của các văn bản thể chế hóa Nghị quyết;

- Về kết quả khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm của các cấp ủy đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương mà Nghị quyết đã nêu như: chưa thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; chưa quan tâm đúng mức công tác tuyên truyền chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể chưa giải tỏa được tâm lý hoài nghi với hợp tác xã; quản lý nhà nước còn bất cập (bộ máy và cán bộ chuyên trách quản lý hợp tác xã, tổ chức chỉ đạo, thi hành Luật Hợp tác xã và một số chính sách đã ban hành, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hợp tác xã,...);...

- Về huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động;

- Về kết quả khắc phục những hạn chế như: Năng lực nội tại yếu; số hợp tác xã làm ăn có hiệu quả còn ít; lợi ích đem lại cho thành viên chưa nhiều; kinh tế tập thể chiếm tỷ trọng thấp trong tổng sản phẩm xã hội, chưa đủ sức đảm nhiệm tốt vai trò cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân...;

- Các tồn tại, hạn chế khác

## 3. Nguyên nhân của những yếu kém, tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan;

- Nguyên nhân chủ quan.

## 4. Bài học kinh nghiệm

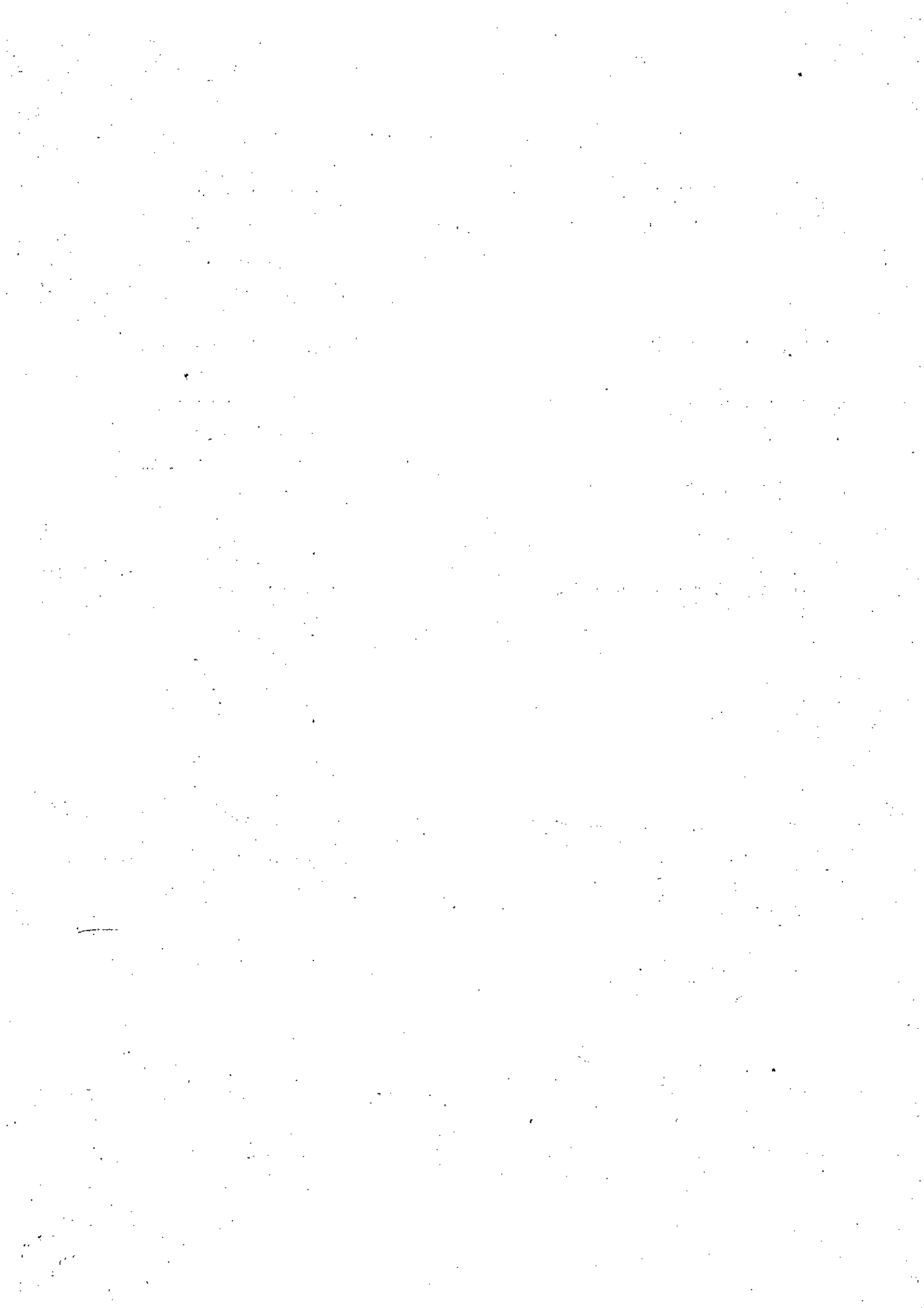
- Công tác tuyên truyền, học tập, phổ biến Nghị quyết;

- Công tác tham mưu, đề xuất với các cấp ủy đảng, chính quyền;

- Công tác tổ chức thực hiện Nghị quyết;

- Công tác tư vấn hỗ trợ đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Các bài học kinh nghiệm khác



### Phần thứ ba

## QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

### I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

#### 1. Bối cảnh trong nước và thế giới

##### a, Bối cảnh trong nước

- Nhu cầu sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng, an ninh lương thực
- Triển vọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã
- Sự biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế, thách thức, cạnh tranh sản phẩm hàng hóa.

- Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về kinh tế tập thể: Luật hợp tác xã năm 2012; hợp tác xã tham gia chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp.

- Các bối cảnh khác

##### b, Bối cảnh thế giới

- Xu thế và nhu cầu sản phẩm hàng hóa an toàn, chất lượng ngày càng cao, đặc biệt là các hàng nông sản

- Xu thế phát triển hợp tác xã trên thế giới
- Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, cạnh tranh gay gắt
- Phát triển mô hình hợp tác xã trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0
- Các bối cảnh khác

#### 2. Xu hướng hợp tác, liên kết trong sản xuất, thương mại

- Yêu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm

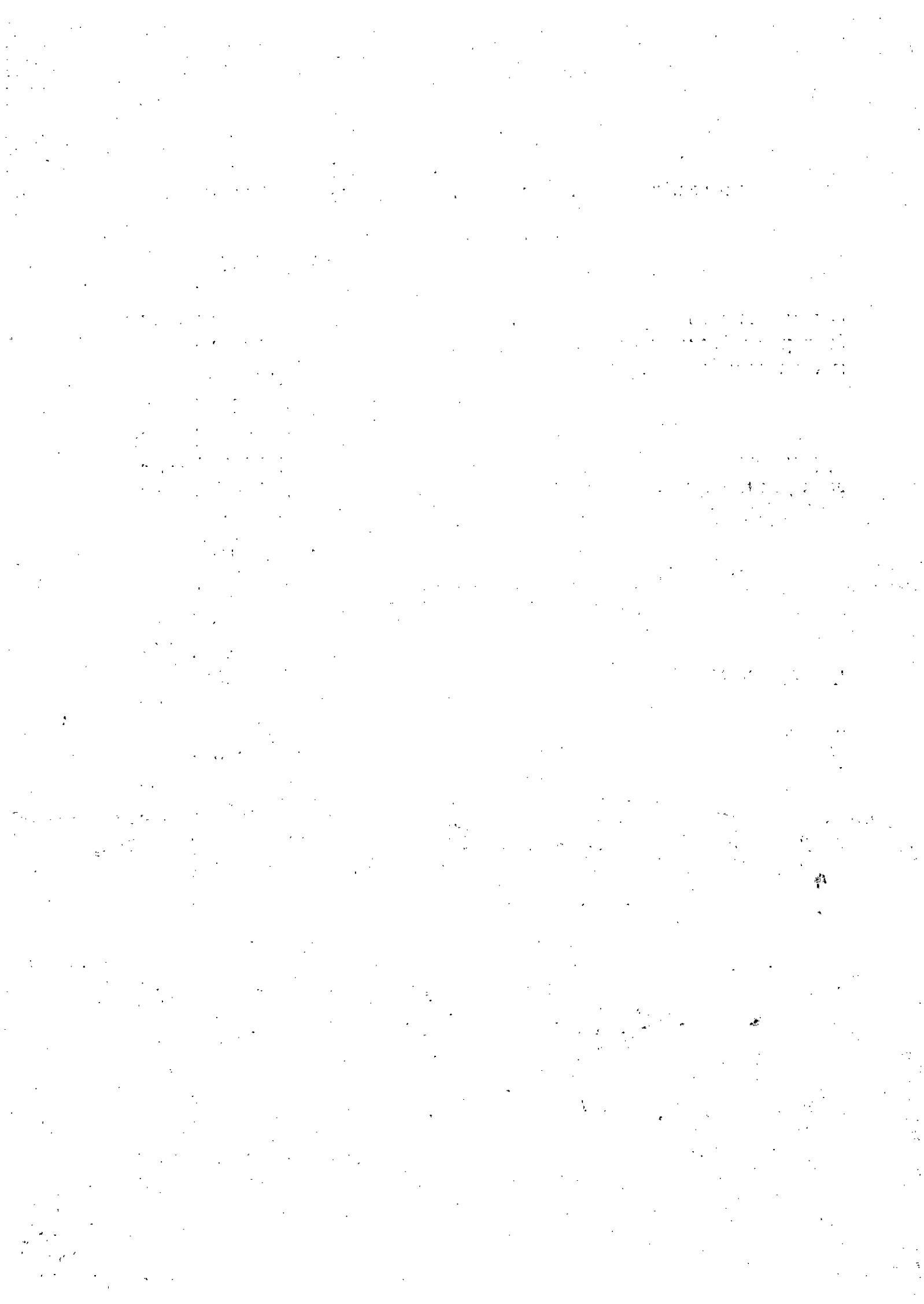
- Xu hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung đòi hỏi phải đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa những người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu

- Về lựa chọn mô hình hợp tác, liên kết trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Các xu hướng khác. . .

### II. QUAN ĐIỂM

1. Về vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới vẫn là xu hướng lựa chọn phát triển, đặc biệt là đối với cư dân nông nghiệp, nông thôn; là phương thức để cư dân nông nghiệp, nông thôn thoát nghèo và vươn lên làm giàu





2. Về tiếp tục đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tăng cường đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến cho kinh tế tập thể, trong đó hợp tác xã nông nghiệp là nòng cốt.

3. Về khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông- công nghiệp- dịch vụ công nghệ cao.

4. Các quan điểm khác

### III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Về củng cố, đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã? Đối với lĩnh vực nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp cần gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp?

- Về ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao và sản phẩm từ nghề truyền thống qua mô hình hợp tác xã kiểu mới.

- Thông qua hình thức kinh tế tập thể, hợp tác xã để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên hợp tác xã

- Các mục tiêu khác.

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2025 và 2030

a, Về mục tiêu đến năm 2025

- Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ phát triển khoảng ... tổ hợp tác; .... Hợp tác xã; .... Liên hiệp hợp tác xã; trong đó, có khoảng ... hợp tác xã nông nghiệp, ... liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, ... hợp tác xã thương mại, ... liên hiệp hợp tác xã thương mại

b, Về mục tiêu đến năm 2030

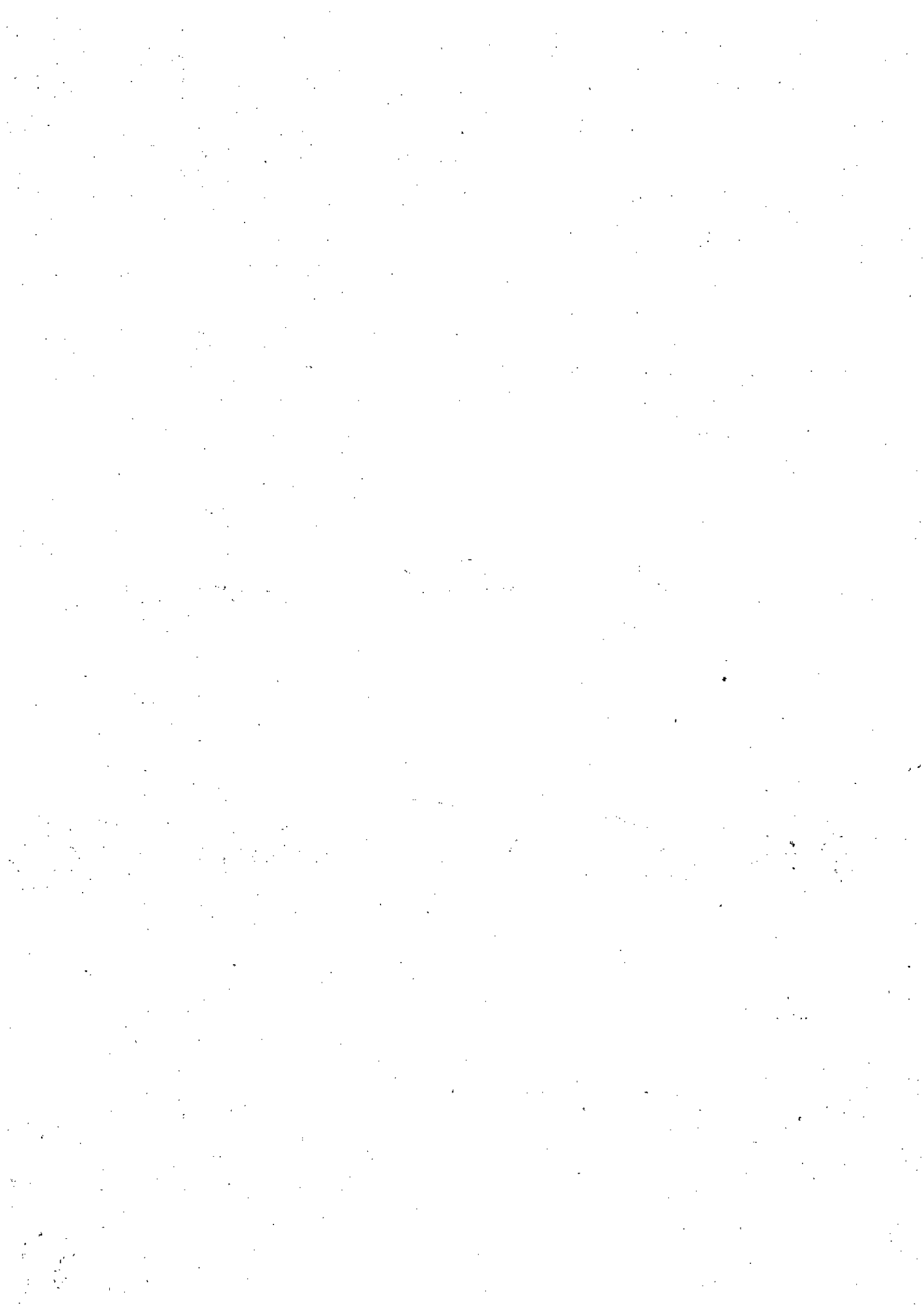
- Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ phát triển khoảng ... tổ hợp tác; .... hợp tác xã; ... liên hiệp hợp tác xã; trong đó, có khoảng ... hợp tác xã nông nghiệp, ... liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, ... hợp tác xã thương mại, ... liên hiệp hợp tác xã thương mại

- Các mục tiêu khác

### IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã



3. Giải pháp về hoàn thiện cơ cấu tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã, các tổ chức chính trị xã hội liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã để nâng cao hiệu quả quản lý, tư vấn, hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

4. Giải pháp về đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

5. Giải pháp về hỗ trợ, xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0

6. Giải pháp về tư vấn, hỗ trợ các tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

7. Giải pháp về hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng cho thị trường sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm truyền thống của các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân.

8. Giải pháp về tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước và thị trường để hỗ trợ các mô hình hợp tác xã sản xuất gắn với chuỗi giá trị làm cơ sở để triển khai nhân rộng.

9. Giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao với khả năng thích ứng với khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai thông qua mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

10. Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

11. Các giải pháp khác.

### **Phần thứ tư**

### **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Ban Chấp hành Trung ương

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Bộ Chính trị ban hành Kết luận và tiếp tục thực hiện Nghị quyết, trên cơ sở đã bổ sung, sửa đổi các nội dung cho phù hợp với thực tiễn;

- Ban Bí thư thường xuyên theo dõi, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

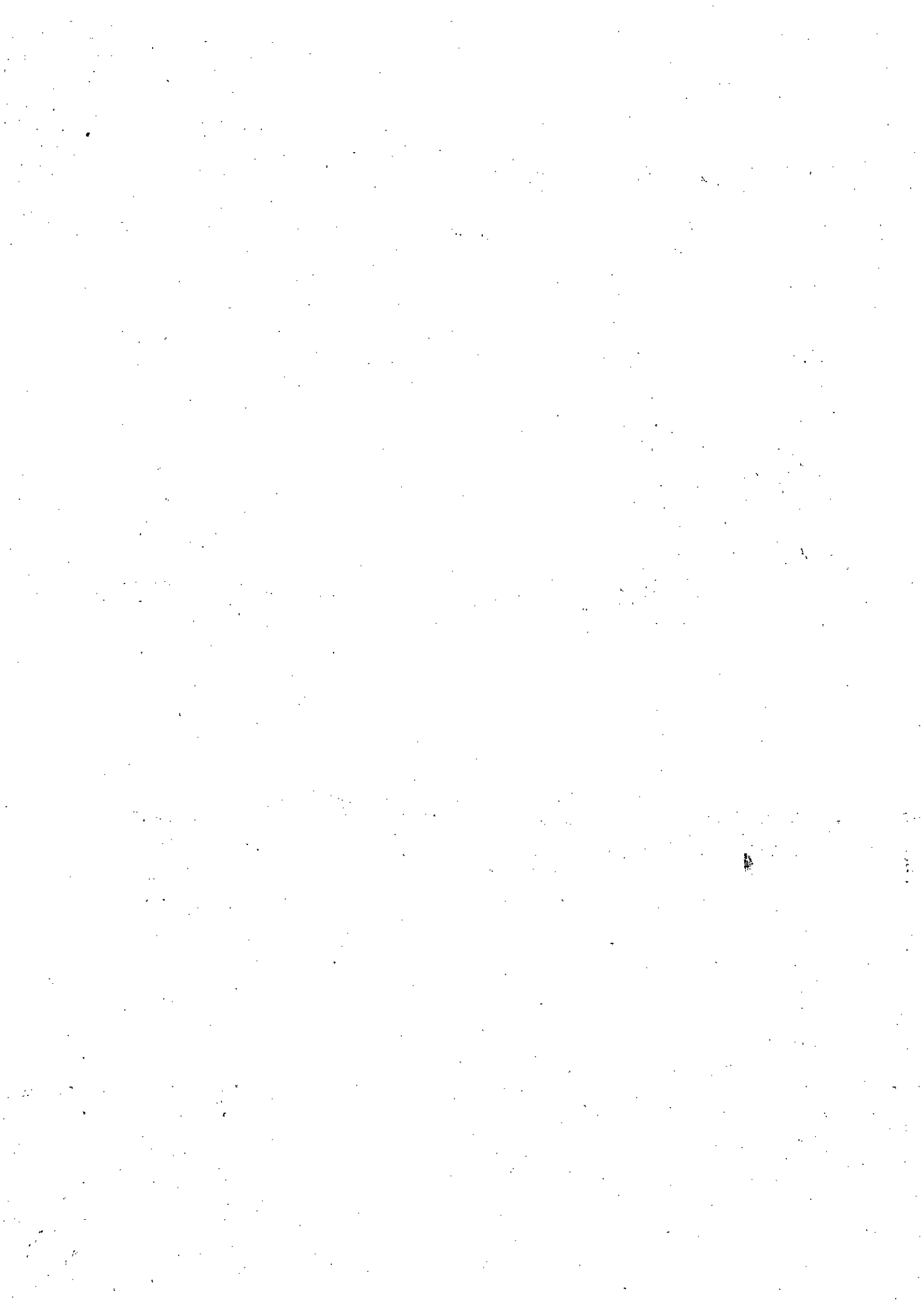
- Các kiến nghị khác.

3. Đảng đoàn Quốc hội

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hợp tác xã 2012;

- Dành khoản ngân sách nhất định hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đặc biệt hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp;

- Các kiến nghị khác.



#### 4. Ban cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành

- Chính phủ: Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tăng cường chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Các bộ, ngành: Ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản hướng dẫn chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã;

- Hàng năm, dành khoản kinh phí nhất định cho thực hiện chính sách hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Các kiến nghị khác.

#### 5. Các Ban Đảng ở Trung ương

- Ban Kinh tế Trung ương: Chỉ đạo, hướng dẫn đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã trong hệ thống chính trị cả nước;

- Ban Tuyên giáo Trung ương: Quan tâm chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trường chính trị có chương trình giảng dạy về kinh tế tập thể, hợp tác xã; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về vai trò, vị trí, bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động và những đóng góp hoạt động của hợp tác xã kiểu mới;

- Các kiến nghị khác.

#### 6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Liên minh hợp tác xã Việt Nam

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, thành viên, hội viên của mình tham gia xây dựng phát triển hợp tác xã kiểu mới;

- Đổi mới công tác phối hợp với các cơ quan quản lý hợp tác xã ở trung ương và địa phương để nâng cao hơn nữa công tác phối hợp;

- Hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam tập trung tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, thành viên, người lao động trong toàn hệ thống trên cơ sở đổi mới phương thức hoạt động cơ cấu lại hệ thống các trường đào tạo, các trung tâm sẵn có của liên minh hợp tác xã Việt Nam để hỗ trợ hợp tác xã phù hợp với điều kiện và tình hình mới;

- Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

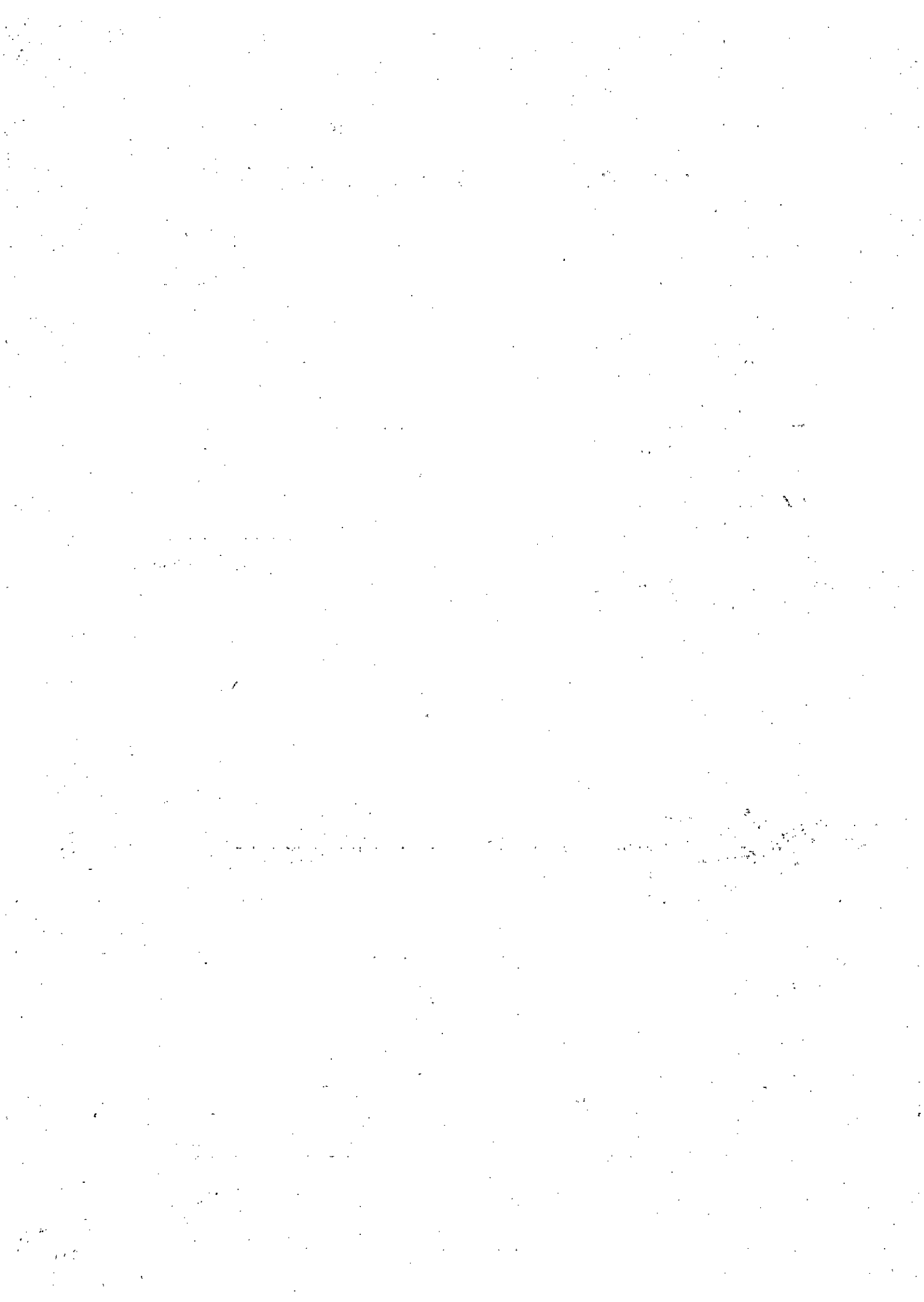
- Các kiến nghị khác.

#### 7. Tỉnh ủy, Huyện ủy:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, phổ biến, hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách về kinh tế tập thể, hợp tác xã;

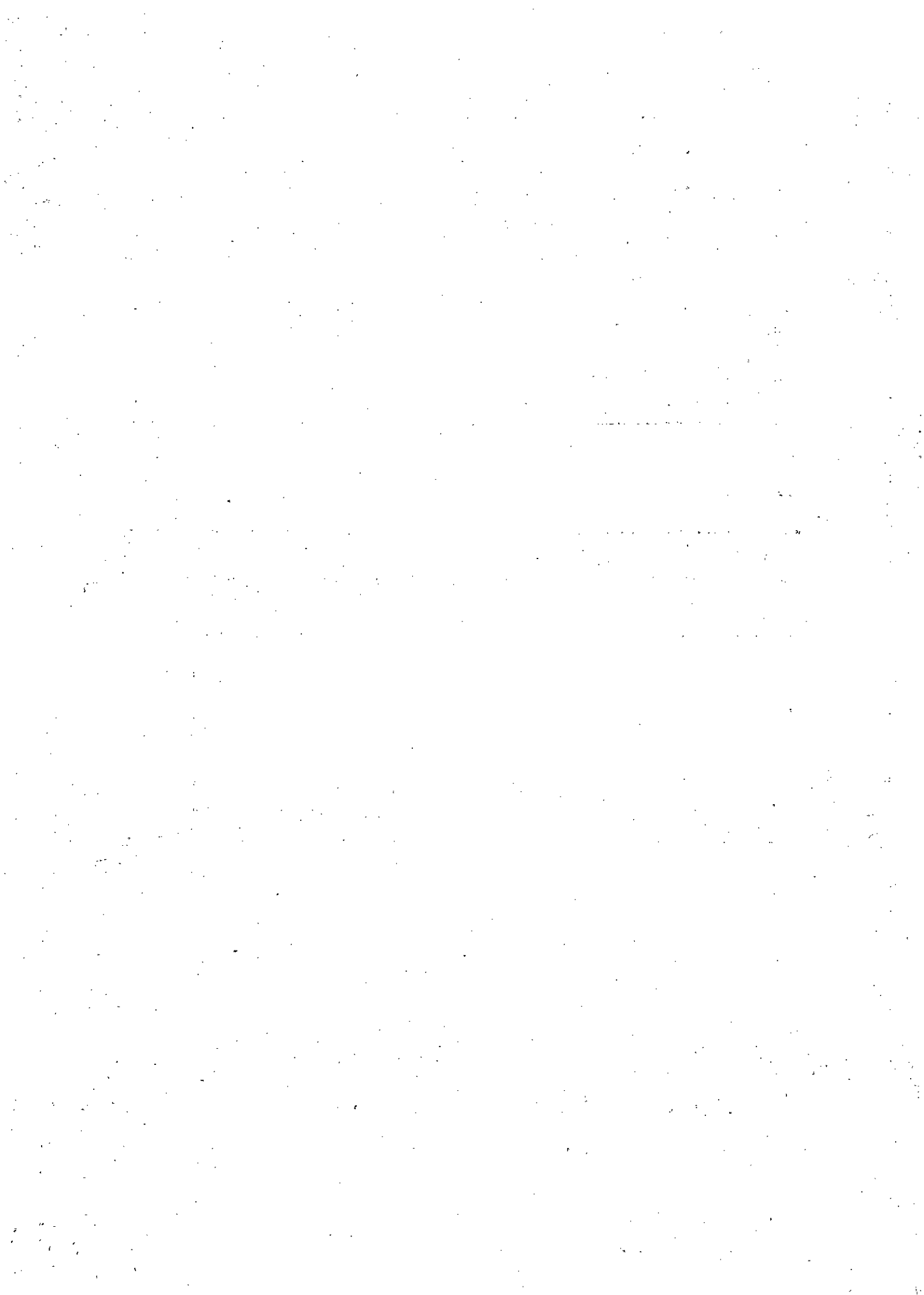
- Các kiến nghị khác.



**Phụ lục I**  
**CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC**

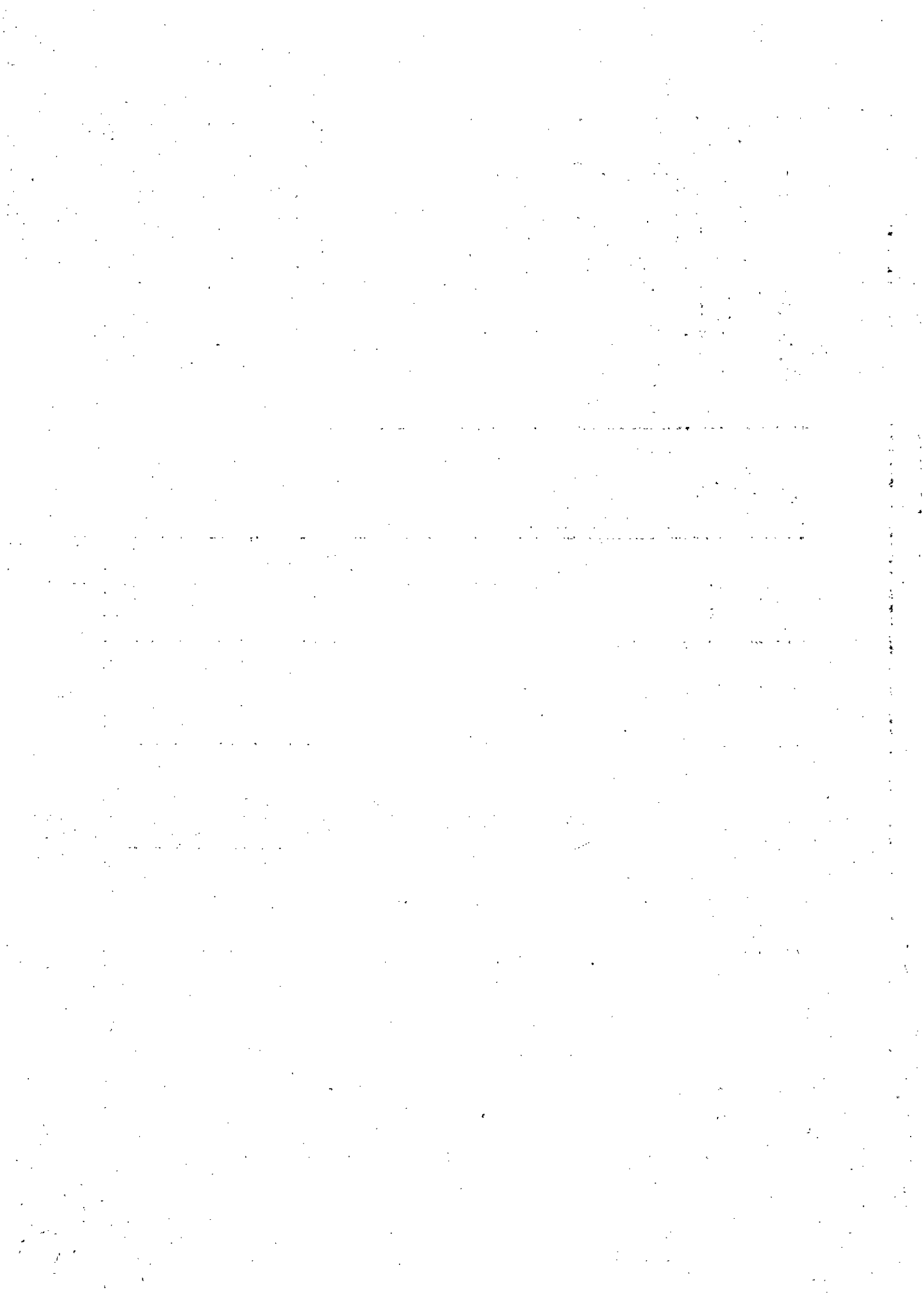
-----

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
<b>I</b>	<b>HỢP TÁC XÃ</b>								
1	Tỷ trọng đóng góp và GDP	%							
2	Tổng số hợp tác xã	HTX							
	Trong đó:								
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX							
	Số hợp tác xã giải thể	HTX							
	Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả	HTX							
3	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người							
	Trong đó:								
	Số thành viên mới	Thành viên							
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên							
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên							
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên							
4	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Thành viên							
	Trong đó:								
	Số lao động thường xuyên mới	Người							
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người							

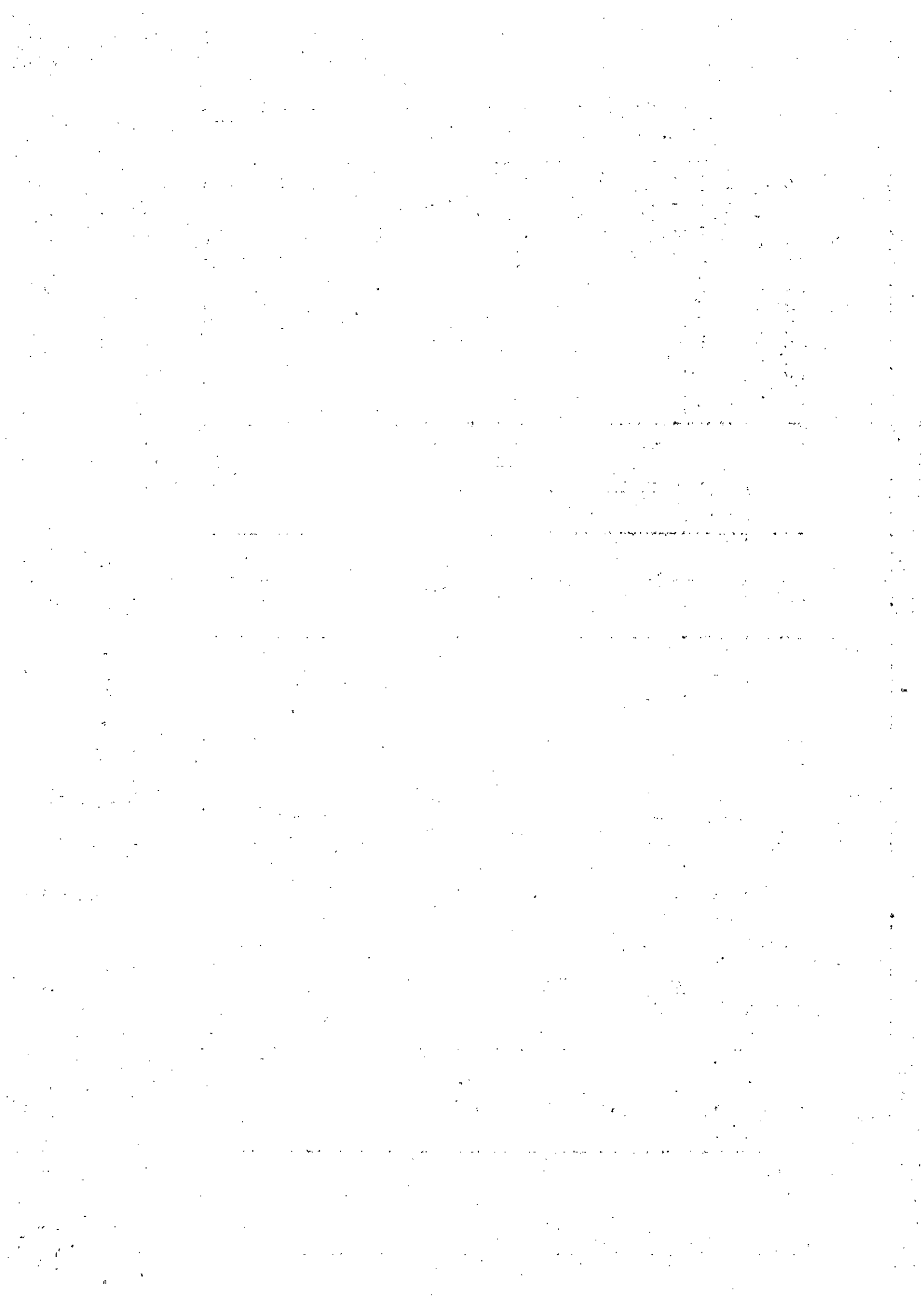








TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
	Số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	LH HTX							
	Số liên hiệp hợp tác xã giải thể	LH HTX							
	Số liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả	LH HTX							
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX							
3	Tổng số lao động trong liên hiệp hợp tác xã	Người							
4	Tổng vốn hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng							
5	Tổng giá trị tài sản liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng							
6	Doanh thu bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng/năm							
7	Lãi xuất bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng/năm							
<b>III</b>	<b>TỔ HỢP TÁC</b>								
1	Tổng số Tổ hợp tác	THT							
	Trong đó:								
	Số Tổ hợp tác có đăng ký thành lập	THT							
2	Số Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả	THT							
3	Tổng số thành viên	Thành viên							
4	Doanh thu bình quân một Tổ hợp tác	Triệu đồng/năm							
5	Lãi bình quân một Tổ hợp tác	Triệu đồng/năm							

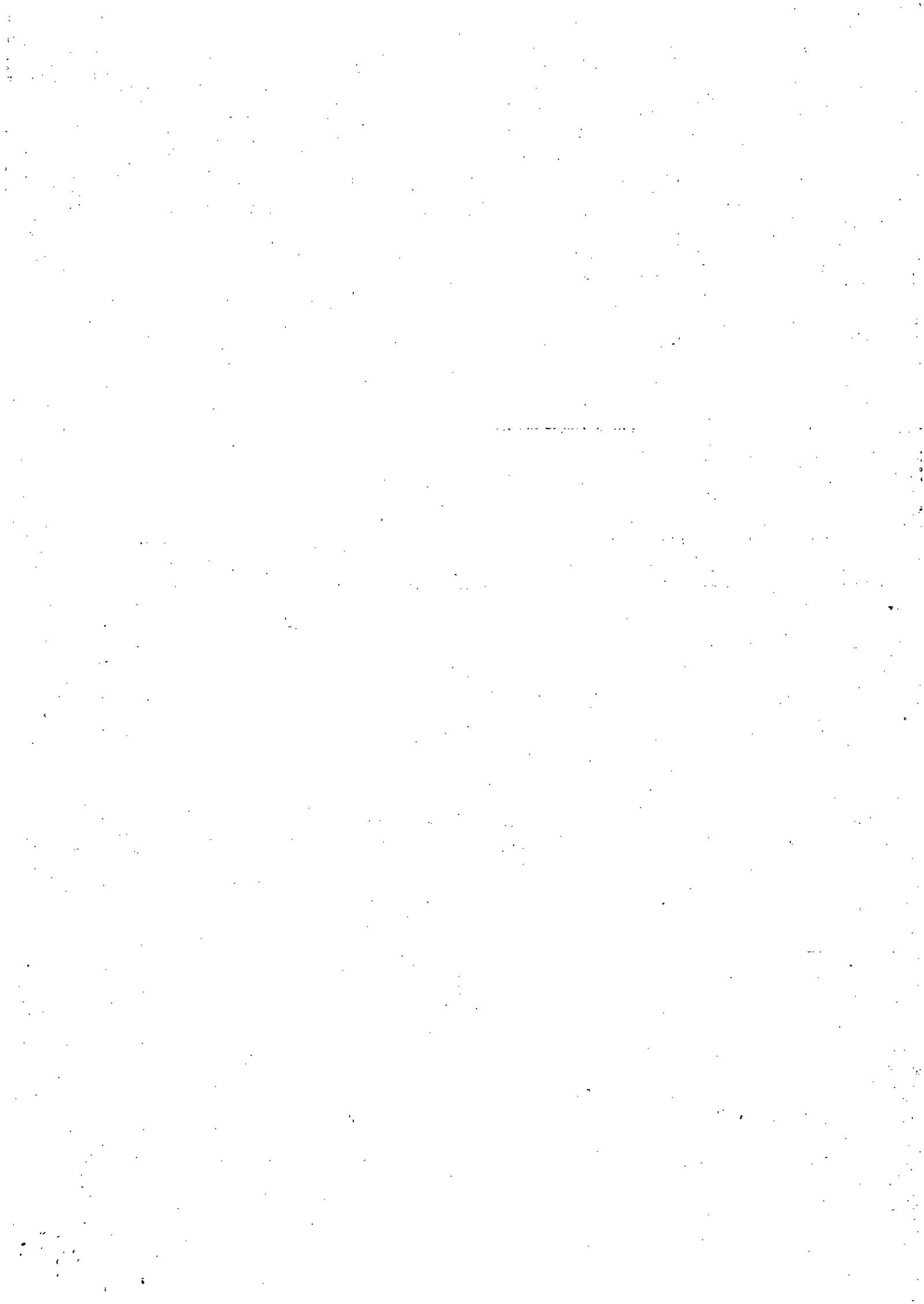


**Phụ lục II**

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ**

-----

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
<b>I</b>	<b>HỢP TÁC XÃ</b>								
	Tổng số hợp tác xã	HTX							
	Chia ra:								
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX							
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX							
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX							
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX							
5	Hợp tác xã thương mại	HTX							
6	Hợp tác xã vận tải	HTX							
7	Hợp tác xã môi trường	HTX							
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX							
9	Hợp tác xã khác	HTX							
<b>II</b>	<b>LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b>								
	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX							
	Chia ra:								
1	Liên hiệp hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX							



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
2	Liên hiệp hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX							
3	Liên hiệp hợp tác xã xây dựng	LHHTX							
4	Liên hiệp hợp tác xã tín dụng	LHHTX							
5	Liên hiệp hợp tác xã thương mại	LHHTX							
6	Liên hiệp hợp tác xã vận tải	LHHTX							
7	Liên hiệp hợp tác xã môi trường	LHHTX							
8	Liên hiệp hợp tác xã nhà ở	LHHTX							
9	Liên hiệp hợp tác xã khác	LHHTX							
<b>III</b>	<b>TỔ HỢP TÁC</b>								
	Tổng số Tổ hợp tác	THT							
	Chia ra:								
1	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT							
2	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT							
3	Tổ hợp tác xây dựng	THT							
4	Tổ hợp tác thương mại	THT							
5	Tổ hợp tác vận tải	THT							
6	Tổ hợp tác môi trường	THT							
7	Tổ hợp tác nhà ở	THT							
8	Tổ hợp tác khác	THT							

